

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023

Thanh Hóa thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức lớn hơn, nhiều hơn, tác động đến hầu hết quốc gia, khu vực; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột vũ trang giữa Nga-Ucraina, I-xra-en-Hamas diễn biến phức tạp; lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao dẫn đến nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt làm thương mại, tiêu dùng, đầu tư toàn cầu sụt giảm, tác động đến xuất khẩu của nhiều quốc gia. Ở trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; song, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do chịu tác động kép từ những diễn biến mới, yếu tố bất lợi bên ngoài và những bất cập nội tại của nền kinh tế liên quan đến: thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ; hoạt động xuất, nhập khẩu đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do suy giảm nhu cầu ở các thị trường quốc tế, nhất là các đối tác lớn; một số chuỗi cung ứng bị gián đoạn, áp lực cạnh tranh từ các nước trong khu vực và thế giới gia tăng...

Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra ngay từ đầu năm; tập trung xử lý các hạn chế, yếu kém tồn đọng, khắc phục nhanh chóng những vấn đề mới phát sinh, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh phát triển; cùng với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh tiếp tục đạt được kết quả tích cực, nhất là trong phát triển kinh tế; cụ thể như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu tính toán và công bố của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (GRDP) ước tính năm 2023 tăng 7,01% so với năm 2022 (ước tính quý IV tăng 4,92%)¹; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,16% (quý IV tăng 4,01%); ngành công nghiệp, xây dựng tăng 8,67%

¹Công văn số 2128/TCTK-TKQG ngày 25/11/2023 của Tổng cục Thống kê về việc thông báo số liệu GRDP ước tính quý IV, cả năm 2023.

(quý IV tăng 3,87%); các ngành dịch vụ tăng 7,19% (quý IV tăng 7,28%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 0,22% (quý IV tăng 2,02%).

Về cơ cấu kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,33%, giảm 0,12%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 47,96%, giảm 0,33%; các ngành dịch vụ chiếm 31,37%, tăng 0,89%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,34%, giảm 0,44% so với năm 2022.

GRDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 73 triệu đồng, tương đương với 3.067 đô la Mỹ.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

a1) Cây hàng năm

Vụ đông 2022 - 2023 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục quan tâm chỉ đạo, duy trì các chính sách hỗ trợ sản xuất đối với các hộ nông dân, doanh nghiệp và hợp tác xã; tạo động lực tích cực cho sản xuất vụ đông. Tuy nhiên, do thiếu lao động, giá một số loại vật tư thiết yếu như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ở mức cao, thị trường tiêu thụ hàng hóa gặp khó khăn. Vì vậy, diện tích các loại cây trồng vụ đông năm nay tuy vượt kế hoạch nhưng thấp hơn so với vụ đông năm trước. Vụ chiêm xuân năm 2023 diễn ra trong điều kiện thuận lợi hơn so với vụ chiêm xuân năm trước, giá vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cơ bản ổn định; các loại cây trồng ít bị sâu bệnh gây hại; năng suất nhiều loại cây trồng cao hơn vụ chiêm xuân năm trước, riêng năng suất lúa đạt cao nhất từ trước đến nay. Vụ thu mùa năm nay chịu ảnh hưởng của diễn biến thời tiết phức tạp, đầu vụ có nhiều đợt nắng nóng gay gắt, gây khó khăn trong việc gieo trồng. Tuy nhiên, các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công tác thủy lợi chủ động, đáp ứng kịp thời và đạt hiệu quả cao; dịch vụ cơ giới hóa ngày càng phát triển và mở rộng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương tăng cường công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, nên sản xuất vụ thu mùa năm nay đạt kết quả khá toàn diện.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm toàn tỉnh năm 2023 đạt 390,2 nghìn ha, đạt 99,8% kế hoạch, giảm 1,3% so với cùng kỳ². Năng suất một số cây trồng chính cả năm 2023 như sau: Lúa 61,5 tạ/ha, vượt 4,3% kế hoạch, tăng 1,4% so với cùng kỳ (tăng 0,8 tạ/ha); trong đó, vụ chiêm xuân 67,1 tạ/ha, tăng 3,9% so với cùng kỳ, vụ thu mùa 55,8 tạ/ha, giảm 1,7% so với cùng kỳ; ngô 47,3 tạ/ha, vượt 0,1% kế hoạch, giảm 0,4%; lạc 22,6 tạ/ha, vượt 7,8%, tăng 0,5%; đậu tương 15,5 tạ/ha, tăng 0,6%; mía 655,9 tạ/ha, đạt 96,5% kế hoạch, tăng 0,2% so với cùng kỳ; sắn 162,8 tạ/ha, vượt 1,8% kế hoạch, tăng 0,2% so với cùng kỳ... Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm 2023 đạt 1.571,3 nghìn tấn, vượt 2,8% kế hoạch và giảm 0,8% so với năm 2022.

Đến ngày 15/12/2023, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ đông năm 2023 - 2024. Tổng diện tích gieo trồng vụ đông năm 2023 - 2024 đạt 47,0 nghìn ha, vượt 4,4% kế hoạch, giảm 0,1% so với vụ đông năm 2022 - 2023; trong đó, cây ngô 13.148 ha, tăng 0,3%; cây lạc 1.139 ha, giảm 1,3%; cây khoai lang 2.028 ha, giảm 1,5%; khoai tây 956 ha, tăng 2,6%; đậu tương 182 ha, tăng 4,0%; cây ớt 1.313 ha, giảm 8,4%; rau màu và các cây trồng khác 28.232 ha, tăng 0,2% so với vụ đông năm trước.

a2) Cây lâu năm

Năm 2023, tái cơ cấu trong lĩnh vực trồng trọt tiếp tục được đẩy mạnh. Diện tích cây lâu năm, nhất là cây ăn quả có múi phát triển nhanh ở nhiều địa phương trong tỉnh. Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính ước tính cả năm 2023 như sau: Chè 292 ha, tăng 12,0% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 217 ha, giảm 2,9% so cùng kỳ), năng suất 68,3 tạ/ha, tăng 0,1% so cùng kỳ, sản lượng 1.486 tấn, giảm 2,7% so cùng kỳ; cao su 6.009 ha, giảm 6,2% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 5.515 ha, giảm 3,9% so cùng kỳ), năng suất 4,9 tạ/ha, tăng 1,7% so cùng kỳ, sản lượng 2.710 tấn, giảm 2,2% so cùng kỳ; cam 1.148 ha, giảm 2,7% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 1.055 ha, giảm 7,3% so cùng kỳ), năng suất 124,1 tạ/ha, tăng 0,3% so cùng kỳ, sản lượng 13.100 tấn, giảm 7,1% so cùng kỳ; xoài 742 ha, tăng 18,5% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 693 ha, tăng 31,9% so cùng kỳ), năng suất 30,3 tạ/ha, tăng 3,6% so cùng kỳ, sản lượng 2.100 tấn, tăng 36,7% so cùng kỳ...

² Vụ đông 47,0 nghìn ha, vượt 2,3% KH và giảm 0,5% so CK; vụ chiêm xuân 191,0 nghìn ha, đạt 99,5% KH và giảm 1,0% so CK; vụ thu mùa 152,1 nghìn ha, đạt 99,4% KH, giảm 1,9% so CK.

b) Chăn nuôi

Năm 2023, chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, công tác phòng, chống dịch bệnh được chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, kiểm soát tốt, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm. Tuy nhiên, giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, giá bán sản phẩm không ổn định, nên ngành chăn nuôi gặp khó khăn, hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao.

Ước tính tại thời điểm 01/01/2024, số lượng đàn gia súc gia cầm toàn tỉnh như sau: Đàn trâu 150,2 nghìn con; đàn bò 242,3 nghìn con; đàn lợn 1.220,5 nghìn con; gia cầm 26,85 triệu con. So với thời điểm 01/01/2023, đàn trâu giảm 8,0%; đàn bò giảm 4,1%; đàn lợn tăng 6,4%; đàn gia cầm tăng 6,3%.

Ước tính năm 2023, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 297,1 nghìn tấn, tăng 7,5% so với năm 2022³; sản lượng trứng gia cầm đạt 279,1 triệu quả, tăng 13,8% so với năm 2022; sản lượng sữa bò tươi đạt 54,7 nghìn tấn, tăng 5,8 so với năm 2022.

2.2. Lâm nghiệp

Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững. Ước tính năm 2023, diện tích trồng rừng mới tập trung 12,5 nghìn ha, tăng 0,5% so với cùng kỳ; trồng cây phân tán 5,5 triệu cây, tăng 3,4% so cùng kỳ; diện tích rừng trồng được chăm sóc 40 nghìn ha, bằng cùng kỳ... Khai thác lâm sản: Gỗ 900 nghìn m³, tăng 8,6% so với cùng kỳ; củi khai thác 1.150 nghìn ster, tăng 1,5%; tre luồng 63,5 triệu cây, tăng 2,1%; nguyên liệu sản xuất giấy 82,5 nghìn tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ.

Công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, các ngành chức năng luôn phối hợp với các địa phương và ban quản lý dự án tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Năm 2023 trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng, an ninh rừng được giữ vững.

2.3. Thủy sản

Sản xuất thủy sản năm 2023 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, không xảy ra dịch bệnh trên các con nuôi. Sản lượng thủy sản năm 2023 ước đạt 215,7 nghìn tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng nuôi trồng 73,5 nghìn tấn, tăng 3,8%; sản lượng khai thác 142,1 nghìn tấn, tăng 3,7%. Đã

³Thịt trâu hơi 15,0 nghìn tấn, tăng 0,9%; thịt bò hơi 22,1 nghìn tấn, tăng 3,1%; thịt lợn hơi 162,8 nghìn tấn, tăng 6,9%; thịt gia cầm giết bán 81,0 nghìn tấn, tăng 12,8% so với cùng kỳ.

tập trung phát triển nuôi các đối tượng chủ lực như tôm, ngao...; đẩy mạnh triển khai mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo hướng công nghệ cao, nuôi trong nhà màng, nhà nước.

3. Sản xuất công nghiệp

Năm 2023, Sản xuất công nghiệp tuy phải đối mặt với những biến động khó lường từ thị trường trong nước và thế giới, Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn tạm dừng sản xuất để bảo dưỡng toàn bộ nhà máy theo kế hoạch⁴. Song, các doanh nghiệp đã nỗ lực khắc phục khó khăn, tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm; một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh vẫn duy trì sản xuất tốt, tăng công suất và có thêm một số cơ sở công nghiệp mới đi vào hoạt động như: Nhà máy xi măng Đại Dương 1 (Khu kinh tế Nghi Sơn), Nhà máy may Victory tại thị trấn Sao Vàng (huyện Thọ Xuân), Nhà máy may mặc Leading Star Thanh Hóa (Khu công nghiệp Bim Sơn), Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày và giày xuất khẩu của tập đoàn HuaLi (huyện Yên Định)... nên sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển.

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành ước tính tháng 12/2023 tăng 1,87% so với tháng trước, tăng 8,03% so với tháng cùng kỳ; trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 2,72% so với tháng trước, tăng 14,58% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,89% so với tháng trước, tăng 5,26% so với tháng cùng kỳ; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 1,73% so với tháng trước, tăng 61,14% so với tháng cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,53% so với tháng trước, tăng 9,13% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 4,79% so với năm 2022; trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 15,46%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,28%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 53,08%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,20% so cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp chia theo 4 quý trong năm 2023: Toàn ngành công nghiệp, quý I tăng 6,70%; quý II tăng 7,48%; quý III tăng 2,28%; quý IV tăng 3,15% so với cùng kỳ năm 2022. Công nghiệp khai khoáng, quý I tăng

⁴Bảo dưỡng từ ngày 25/8/2023 đến ngày 13/10/2023.

25,40%; quý II tăng 10,91%; quý III tăng 11,99%; quý IV tăng 15,59% so với cùng kỳ năm 2022. Công nghiệp chế biến, chế tạo, quý I tăng 6,41%; quý II tăng 4,97%; quý III giảm 1,42%; quý IV tăng 0,08% so với cùng kỳ năm 2022. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí, quý I tăng 10,87%; quý II tăng 57,48%; quý III tăng 82,97%; quý IV tăng 63,89% so với cùng kỳ năm 2022. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, quý I tăng 9,79%; quý II tăng 6,68%; quý III tăng 8,33%; quý IV tăng 8,33% so với cùng kỳ năm 2022.

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh, năm 2023 so với năm 2022 như sau: Dầu thực vật 202,3 nghìn tấn, tăng 8,9%; đường tinh luyện 41,0 nghìn tấn, giảm 48,5%; tinh bột sắn 36,6 nghìn tấn, giảm 21,7%; bia các loại 37,1 triệu lít, giảm 19,7%; thuốc lá bao 249,3 triệu bao, tăng 6,3%; quần áo các loại 523,1 triệu cái, tăng 5,9%; giày, dép thể thao xuất khẩu 219,7 triệu đôi, tăng 6,6%; xăng động cơ 2.766 nghìn tấn, giảm 1,9%; dầu nhiên liệu 4.413 nghìn tấn, giảm 2,1%; lưu huỳnh dạng hạt 272 nghìn tấn, giảm 1,4%; benzen 201 nghìn tấn, tăng 5,4%; gạch xây dựng bằng đất nung 765,4 triệu viên, tăng 2,4% so cùng kỳ; xi măng Portland đen 17,3 triệu tấn, giảm 2,3%; sắt thép 1.870 nghìn tấn, tăng 0,8%; điện sản xuất 10.615 triệu kwh, tăng 77,8%; nước máy 57,6 triệu m³, tăng 2,2%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2023 dự kiến tăng 0,77% so với tháng trước, tăng 9,25% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,51% so với năm 2022.

Chỉ số tồn kho tháng 12/2022 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dự kiến giảm 1,56% so với tháng trước; tăng 9,89% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 12/2023 tăng 1,81% so với tháng trước, giảm 5,08% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2023, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 11,35% so với năm 2022.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Phát triển doanh nghiệp năm 2023 tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực. Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đến ngày 21/11/2023, toàn

tỉnh có 3.194 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới⁵ (ước cả năm có 3.450 doanh nghiệp thành lập mới, vượt 15,0% kế hoạch); có 842 doanh nghiệp tái ra nhập thị trường, 1.149 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh.

5. Đầu tư và xây dựng

Trong năm 2023, tỉnh Thanh Hóa đã thu hút được 83 dự án đầu tư trực tiếp (gồm 53 dự án đầu tư trong nước, 16 dự án có sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư và 14 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài), với tổng số vốn đầu tư đăng ký khoảng 29.057 tỷ đồng và 209,9 triệu USD; có 06 dự án điều chỉnh tăng vốn 64,9 triệu USD; đã tiếp nhận 16 chương trình, dự án, phi dự án viện trợ không hoàn lại với tổng vốn khoảng 6,8 triệu USD. Một số dự án quy mô lớn đã được thu hút như: Dự án Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn tại Khu công nghiệp số 4, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn (5.500 tỷ đồng); Khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, TX. Nghi Sơn (1.142 tỷ đồng); Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương tại xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn (1.098,5 tỷ đồng); Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn (868,6 tỷ đồng); Nhà máy dệt may tại cụm công nghiệp Thái - Thắng, huyện Hoàng Hóa (45,8 triệu USD); Nhà máy sản xuất gia công giày dép xuất khẩu tại CCN thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa (42 triệu USD)...

Ước tính năm 2023, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành đạt 132.669 tỷ đồng, giảm 4,5% so với năm 2022⁶; trong đó, vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước 15.317 tỷ đồng, giảm 2,8%; vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước 3.922 tỷ đồng, giảm 34,4%; vốn vay từ các nguồn khác của khu vực nhà nước 5.391 tỷ đồng, giảm 38,3%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 92.264 tỷ đồng, giảm 0,7%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 10.874 tỷ đồng, tăng 4,2% so với năm 2022...

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương năm 2023 ước đạt 10.934 tỷ đồng, đạt 73,3% kế hoạch năm và tăng 9,9% so với năm 2022⁷; bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 4.543,6 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 3.388,2 tỷ đồng, tăng 7,7%

⁵ Đứng đầu các tỉnh vùng Bắc Trung bộ và đứng thứ 8 cả nước về số lượng doanh nghiệp thành lập mới.

⁶ Quý I tăng 0,1%, quý II giảm 5,3%, quý III tăng 0,7%, quý IV giảm 2,6% so với cùng kỳ.

⁷ Quý I giảm 17,3%, quý II giảm 7,5%, quý III tăng 42,8%, quý IV tăng 18,3% so với cùng kỳ.

so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 3.002 tỷ đồng, tăng 13,1% so với cùng kỳ.

6. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Theo báo cáo của Sở Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2023 ước đạt 40.310 tỷ đồng, bằng 114,1% dự toán và giảm 21,2% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa ước đạt 24.810 tỷ đồng, bằng 113,6% dự toán, giảm 20,6% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 15.500 tỷ đồng, bằng 114,8% dự toán và giảm 22,1% so với cùng kỳ. Một số lĩnh vực thu giảm mạnh so với cùng kỳ như: Thu tiền sử dụng đất giảm 33,7%, thuế bảo vệ môi trường giảm 9,5%, thuế thu nhập cá nhân giảm 32,1%... do tác động tiêu cực từ thị trường vốn, tài chính, bất động sản trong năm 2023; ảnh hưởng từ việc áp dụng chính sách miễn, giảm, giãn, hoãn, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, giảm thuế giá trị gia tăng áp dụng cho năm 2023 được Chính phủ, Quốc hội thông qua.

Chi ngân sách nhà nước năm 2023 ước đạt 42.939 tỷ đồng, bằng 106,1% dự toán và tăng 8,3% so với cùng kỳ; trong đó chi đầu tư phát triển ước đạt 14.271 tỷ đồng, chiếm 33,2% tổng chi ngân sách nhà nước, bằng 114,1% dự toán, tăng 1,0% so với cùng kỳ; chi thường xuyên ước đạt 26.156 tỷ đồng, chiếm 60,9%, bằng 102,7% dự toán và tăng 8,2%.

7. Hoạt động ngân hàng

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thanh Hóa, ước tính đến 31/12/2023, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng (không bao gồm Ngân hàng Phát triển) đạt 163,1 nghìn tỷ đồng, tăng 17,0% so với 31/12/2022; tổng dư nợ (không bao gồm Ngân hàng Phát triển) đạt 188,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,0% so với 31/12/2022.

8. Thương mại, giá cả, vận tải, du lịch

Thương mại nội địa duy trì ổn định, nguồn cung hàng hóa dồi dào, giá cả không có biến động lớn, không xảy ra hiện tượng găm hàng, sốt giá. Hoạt động vận tải tăng cao, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Các hoạt động kích cầu, đa dạng hóa các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh; đã tổ chức các Hội nghị liên kết, hợp tác phát triển du lịch, kết nối tour, tuyến du lịch giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố năm 2023 như với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Bắc

Trung Bộ, các tỉnh Nam Bộ, các tỉnh Tây Bắc...; đã hoàn thành, đưa vào khai thác dự án Quảng trường biển Sầm Sơn (Tập đoàn Sun Group), góp phần thu hút khách du lịch đến với tỉnh Thanh Hóa.

8.1. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

Tháng 12/2022, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 12.143 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước, tăng 15,2% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 134.664 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2022⁸; trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm 60.817 tỷ đồng, tăng 20,0%; hàng may mặc 7.517 tỷ đồng, tăng 15,4%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình 13.842 tỷ đồng, tăng 9,1%; vật phẩm văn hoá, giáo dục 1.263 tỷ đồng, tăng 10,4%; ô tô các loại 5.026 tỷ đồng, giảm 0,5%; phương tiện đi lại (trừ ô tô và kể cả phụ tùng) 6.268 tỷ đồng, tăng 4,5%; xăng, dầu 16.838 tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm 2022...

8.2. Hoạt động lưu trú và ăn uống

Tháng 12/2023, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 1.773 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước, tăng 9,9% so với tháng cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú 186 tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 13,8% so với tháng cùng kỳ; doanh thu ăn uống 1.587 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 9,4% so với tháng cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành đạt 20,5 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước, tăng 7,7% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 1.592 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và giảm 2,5% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 20.602 tỷ đồng, tăng 26,0% so với năm 2022⁹; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 2.375 tỷ đồng, tăng 31,3%¹⁰; doanh thu ăn uống đạt 18.227 tỷ đồng, tăng 25,4%¹¹; doanh thu du lịch lữ hành đạt 257 tỷ đồng, tăng 30,4%¹²; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 17.494 tỷ đồng, tăng 0,2%¹³.

⁸ Quý I tăng 11,2%, quý II tăng 13,5%, quý III tăng 15,6%; quý IV tăng 9,1% so cùng kỳ.

⁹ Quý I gấp 2,36 lần, quý II tăng 13,4%, quý III tăng 10,8%, quý IV tăng 10,9% so cùng kỳ.

¹⁰ Quý I gấp 2,29 lần, quý II tăng 32,9%, quý III tăng 20,6%, quý IV tăng 10,5% so cùng kỳ.

¹¹ Quý I gấp 2,37 lần, quý II tăng 10,7%, quý III tăng 9,5%, quý IV tăng 10,4% so cùng kỳ.

¹² Quý I gấp 12,4 lần, quý II tăng 17,1%, quý III tăng 0,1%, quý IV tăng 7,6% so cùng kỳ.

¹³ Quý I tăng 2,7%, quý II giảm 1,7%, quý III giảm 0,2%; quý IV giảm 1,3% so cùng kỳ..

8.3. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Năm 2023, thị trường xăng, dầu thế giới tiếp tục có nhiều biến động; giá xi măng, sắt thép và một số loại vật liệu xây dựng khác tăng mạnh; Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân là những nguyên nhân chính tác động đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) các tháng và bình quân 12 tháng năm 2023.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2023 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng 2,14% so với tháng 12/2022. Bình quân 12 tháng năm 2023, CPI tăng 3,55% so với cùng kỳ năm trước¹⁴ (bình quân quý I tăng 6,13%; bình quân quý II tăng 0,94%; bình quân quý III tăng 1,81%; bình quân quý IV tăng 2,02%).

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2023 tăng 0,19% so với tháng trước. Có 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,61% (lương thực tăng 3,12%, thực phẩm tăng 0,30%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,14%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,20%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,55%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,31%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,20%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,08%; nhóm giáo dục tăng 0,21%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,20% và nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,17%. Có 1/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là nhóm giao thông giảm 1,65% và 1/11 nhóm hàng hóa giá cả ổn định, chỉ số giá không tăng, giảm là nhóm bưu chính viễn thông.

Chỉ số giá vàng tháng 12/2023 tăng 3,78% so với tháng trước, tăng 15,05% so với tháng 12/2022; bình quân 12 tháng năm 2023 tăng 5,07% so với bình quân cùng kỳ năm 2022 (bình quân quý I giảm 0,01%; bình quân quý II tăng 2,65%; bình quân quý III tăng 5,63%; bình quân quý IV tăng 12,17%). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2023 giảm 0,78% so với tháng trước, tăng 0,96% so với tháng 12/2022; bình quân 12 tháng năm 2023 tăng 1,97% so với bình quân cùng kỳ năm 2022 (bình quân quý I tăng 3,70%; bình quân quý II giảm 0,24%; bình quân quý III tăng 1,49%; bình quân quý IV tăng 0,48%).

8.4. Vận tải hành khách và hàng hóa

Tháng 12/2023, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.666 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước, tăng 10,7% so với tháng cùng kỳ ;

¹⁴Tốc độ tăng CPI bình quân năm so với cùng kỳ của các năm từ 2016 - 2023 lần lượt là: 2,19%; 2,84%; 3,90%; 2,60%; 4,56%; 1,53%; 3,60%; 3,55%.

trong đó, doanh thu vận tải hành khách 396,5 tỷ đồng, tăng 3,6% so với tháng trước, tăng 14,2% so với tháng cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa 862,7 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước, tăng 1,2% so với tháng cùng kỳ. Hành khách vận chuyển đạt 2.939 nghìn người, tăng 2,9% so với tháng trước, tăng 12,8% so với tháng cùng kỳ; hành khách luân chuyển đạt 194.457 nghìn người.km, tăng 3,2% so với tháng trước, tăng 11,7% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa vận chuyển đạt 5.322 nghìn tấn, tăng 1,7% so với tháng trước, giảm 2,7% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa luân chuyển 241.310 nghìn tấn.km, tăng 1,9% so với tháng trước, giảm 0,4% so với tháng cùng kỳ.

Năm 2023, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 19.964 tỷ đồng, tăng 23,3% so với cùng kỳ¹⁵; trong đó, doanh thu vận tải hành khách 4.841 tỷ đồng, tăng 31,7%¹⁶; doanh thu vận tải hàng hóa 10.677 tỷ đồng, tăng 15,0%¹⁷. Vận chuyển hành khách 37,1 triệu người, luân chuyển hành khách 2.440 triệu người.km, tăng 31,2% về hành khách vận chuyển¹⁸, tăng 30,8% về hành khách luân chuyển so với cùng kỳ¹⁹; vận chuyển hàng hoá đạt 67,2 triệu tấn, luân chuyển hàng hoá đạt 3.026 triệu tấn.km, tăng 10,5% về hàng hóa vận chuyển²⁰, tăng 10,8% về hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ²¹.

9. Một số vấn đề xã hội

9.1. Đời sống dân cư và an sinh xã hội

Đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh năm 2023 nhìn chung ổn định. Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân được giải quyết kịp thời đúng quy định. Các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện chi trả đầy đủ kịp thời các chế độ chính sách người có công và thân nhân người có công với cách mạng trong năm đối với trên 740.315 người với tổng kinh phí thực hiện hơn 1.393,8 tỷ đồng. Đẩy mạnh các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà của Chủ tịch nước và quà của tỉnh đối với 190.538 lượt người có

¹⁵ Quý I tăng 35,6%, quý II tăng 31,3%, quý III tăng 16,7%, quý IV tăng 11,9% so cùng kỳ.

¹⁶ Quý I tăng 70,5%, quý II tăng 36,4%, quý III tăng 15,4%, quý IV tăng 13,9% so cùng kỳ.

¹⁷ Quý I tăng 25,3%, quý II tăng 23,9%, quý III tăng 8,9%, quý IV tăng 3,3% so cùng kỳ.

¹⁸ Quý I tăng 68,9%, quý II tăng 32,2%, quý III tăng 14,4%, quý IV tăng 12,5% so cùng kỳ.

¹⁹ Quý I tăng 71,1%, quý II tăng 36,7%, quý III tăng 13,1%, quý IV tăng 11,4% so cùng kỳ.

²⁰ Quý I tăng 20,6%, quý II tăng 18,4%, quý III tăng 4,9%, quý IV giảm 1,1% so cùng kỳ.

²¹ Quý I tăng 18,4%, quý II tăng 18,2%, quý III tăng 6,2%, quý IV tăng 0,9% so cùng kỳ.

công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng, tổng kinh phí thực hiện trên 57,686 tỷ đồng, trong đó có 95.407 người được nhận quà của tỉnh với tổng kinh phí thực hiện là trên 28,622 tỷ đồng. Ngoài ra, đã huy động các nguồn lực từ ngân sách địa phương (ngân sách huyện, xã) và hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm để trao tặng 52.720 suất quà, trị giá gần 15 tỷ đồng để trao tặng cho người có công với cách mạng. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng kịp thời, đúng quy định đối với trên 193.000 đối tượng và hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí thực hiện hằng tháng hơn 100 tỷ đồng. Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chúc thọ, mừng thọ đối với 67.054 người cao tuổi với tổng kinh phí thực hiện trên 29 tỷ đồng.

Tham mưu, trình UBND tỉnh bố trí 6,6 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh để hỗ trợ 470,31 tấn gạo trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và kỳ giáp hạt năm 2023 cho 3.704 lượt hộ với 22.017 lượt nhân khẩu⁽²²⁾. Các cấp, các ngành, các địa phương đã huy động từ nguồn xã hội hóa để tổ chức các hoạt động thăm, tặng 580.148 suất quà trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí thực hiện 381,85 tỷ đồng, tặng 133.364 suất quà, tương đương tăng 116,29 tỷ đồng so với Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

Công tác giảm nghèo được quan tâm thực hiện, tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 của tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025) ước còn khoảng 3,59%, giảm 1,4% so với năm 2022 (KH là 1,5% trở lên)

9.2. Dân số, lao động, việc làm

Năm 2023, dân số trung bình tỉnh Thanh Hóa ước đạt 3.739,5 nghìn người, tăng 17,4 nghìn người so với năm 2022, tốc độ tăng dân số 0,47%; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên 2.262,4 nghìn người, tăng 0,19% so với năm 2022; lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc 2.227,6 nghìn người, tăng 0,05% so với năm 2022. Theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, dự kiến năm 2023, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 62 nghìn lao động, vượt 6,9% so với kế hoạch; trong đó có khoảng 14 nghìn lao động đi làm việc ở nước

⁽²²⁾Tại các huyện: Thường Xuân, Quan Hóa, Mường Lát và Hội Người mù tỉnh.

ngoài theo hợp đồng, gấp 2,8 lần so với kế hoạch. Đã cấp mới, cấp lại và gia hạn giấy phép cho 1.697 lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh; giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 27.769 lao động.

9.3. Y tế

Ngành Y tế đã tập trung chỉ đạo các cơ sở y tế và các địa phương thực hiện tốt công tác phòng, chống, kiểm soát dịch Covid-19 và các dịch bệnh phát sinh khác²³, không để phát sinh thành ổ dịch, lan rộng ra cộng đồng; đã cơ bản khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh. Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, ứng dụng kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân²⁴; triển khai mô hình khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VneID. Quản lý hành nghề y, dược tư nhân được kiểm soát chặt chẽ, đã cấp mới, cấp lại 760 chứng chỉ hành nghề dược, 1.247 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; tổ chức kiểm tra 1.501 cơ sở hành nghề y dược tư nhân, xử lý vi phạm 69 cơ sở. Hoạt động thanh tra, kiểm tra vệ sinh ATTP được tăng cường, Sở Y tế đã tổ chức kiểm tra 759 cơ sở, phát hiện, xử lý vi phạm 26 cơ sở; từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh chưa xảy ra ngộ độc thực phẩm.

9.4. Giáo dục - Đào tạo

Các đơn vị, trường học đã tập trung đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt; hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và triển khai nhiệm vụ năm học 2023 - 2024. Chất lượng giáo dục mũi nhọn được giữ vững, tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2022-2023, tỉnh ta có 61/78 học sinh đạt giải²⁵; có 01 học sinh đoạt Huy chương Bạc trong Kỳ thi Olympic Vật lý Quốc tế, lần đầu tiên tỉnh ta có học sinh đạt Giải nhất Chung kết năm đường lên đỉnh Olympia. Giáo dục đại trà có chuyển biến tích cực, tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, toàn tỉnh có 935 điểm 10, xếp thứ ba cả nước; điểm trung bình đạt 6,47 điểm, xếp thứ 21, tăng 06 bậc so với năm 2022. Toàn tỉnh hiện có 1.688 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 83,9%; ước cả năm 2023, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 85,51%, vượt kế hoạch (KH 83,46%).

²³Trên địa bàn tỉnh có 1.123 ca sốt xuất huyết, 33 ca sởi, 555 ca tay chân miệng, 07 ca liệt mềm cấp nghi bại liệt, 19 ca viêm não do vi rút khác.

²⁴ Thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định bổ sung danh mục kỹ thuật 07 bệnh viện; thẩm định cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới và bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa và BVĐK Thường Xuân; chuyên giao kỹ thuật thay khớp háng tại BVĐK huyện Cẩm Thủy...

²⁵ Gồm: 03 giải nhất, 15 giải nhì, 22 giải ba và 21 giải khuyến khích, xếp thứ 6 toàn quốc.

9.5. Văn hoá - Thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa được quan tâm. Có thêm 07 Di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia²⁶; 05 di tích được cấp bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì; có 80,5% số hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, có 79,8% thôn, bản, tổ dân phố được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa. Các hoạt động văn hóa, thể thao với nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc, giữ gìn nét đẹp văn hóa cổ truyền của Nhân dân các dân tộc được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo Nhân dân và du khách tham gia; đã tổ chức thành công Lễ hội Lam Kinh năm 2023, kỷ niệm 605 năm Khởi nghĩa Lam Sơn, 595 năm Vua Lê Thái Tổ đăng quang, 590 năm ngày mất của Anh hùng dân tộc Lê Lợi. Thể thao quần chúng được quan tâm, đã tổ chức 16 giải thể thao phong trào cấp tỉnh; tỷ lệ dân số tham gia luyện thể dục thể thao thường xuyên ước đạt 44,2%. Thể thao thành tích cao đạt 746 huy chương các loại (220 HCV, 203 HCB, 323 HCD), trong đó có 17 huy chương tại SEA Games 32 (7 HCV, 5 HCB, 5 HCD) và 01 Huy chương Đồng tại ASIAD 19; CLB Bóng đá Đông Á Thanh Hóa giành chức vô địch Cúp Quốc gia và siêu Cúp Quốc gia năm 2023; đội tuyển U19 Thanh Hóa giành chức vô địch Giải bóng đá U19 quốc gia năm 2023.

9.6. Tai nạn giao thông

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, năm 2023 (tính từ đầu năm đến ngày 14/12/2023) trên địa bàn tỉnh xảy ra 625 vụ tai nạn giao thông, làm chết 243 người, bị thương 630 người; so với cùng kỳ năm 2022, tăng 97,8% về số vụ (tăng 309 vụ), tăng 97,6% về số người chết (tăng 120 người), gấp gần 2,2 lần về số người bị thương (tăng 342 người). Trong đó, quý I xảy ra 74 vụ, làm chết 36 người, bị thương 64 người; quý II xảy ra 186 vụ, làm chết 71 người, bị thương 199 người; quý III xảy ra 127 vụ, làm chết 50 người, bị thương 130 người; quý IV (thống kê đến ngày 14/12) xảy ra 238 vụ, làm chết 86 người, bị thương 237 người.

²⁶ Gồm: (1) Tập quán xã hội và tín ngưỡng Mo Mường tại 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa; (2) Lễ hội đền thờ Lê Hoàn, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân; (3) Nghi lễ Nháng chập đáo (Tết nháy) của người Dao, huyện Ngọc Lặc; (4) Múa đèn xếp chữ, hát chèo chái cô trong Lễ hội Ngự Võng Phường làng Nhân Cao, xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa; (5) Lễ Hội Nàng Han, huyện Thường Xuân; (6) Lễ hội Mường Khô, huyện Bá Thước; (7) Lễ hội Sết Bóc Mạy, huyện Như Thanh.

9.7. Cháy, nổ

Tính từ đầu năm đến hết tháng 11/2023, toàn tỉnh xảy ra 106 vụ cháy, nổ; làm chết 05 người chết, không có người bị thương; thiệt hại về tài sản trị giá 6.656 triệu đồng²⁷. Chia theo các quý trong năm, quý I xảy ra 26 vụ, giá trị thiệt hại 1.789 triệu đồng; quý II xảy ra 21 vụ, giá trị thiệt hại 1.616 triệu đồng; quý III xảy ra 27 vụ, giá trị thiệt hại 1.580 triệu đồng; quý IV xảy ra 32 vụ, giá trị thiệt hại 1.671 triệu đồng.

9.8. Thiệt hại do thiên tai

Theo thông tin từ Văn phòng thường trực chỉ huy phòng chống thiên tai (thuộc Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa) cho biết, tính từ đầu năm đến ngày 15/12/2023, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của 25 đợt thiên tai, trong đó: 05 trận lốc, 07 đợt mưa lũ, 01 đợt bão và 12 vụ nắng nóng. Thiên tai đã gây thiệt hại về người, sản xuất nông nghiệp và sạt lở, hư hỏng các công trình giao thông, thủy lợi, nhà ở trên địa bàn tỉnh. Trong đó: 03 người chết, 230 nhà ở bị hư hỏng, 17 điểm trường bị ảnh hưởng; 952,66 ha lúa, 1.241 ha hoa màu, 1.032,6 ha cây hàng năm bị thiệt hại; 1.130 con gia súc, 575 con gia cầm bị chết; 477,86 ha nuôi cá truyền thống bị thiệt hại, 02 cầu phao bị cuốn trôi; 01 cầu tràn bị hư hỏng; 02 vụ sạt lở taly âm... Sơ bộ giá trị thiệt hại khoảng 300 tỷ đồng. Ngay sau khi mỗi đợt thiên tai xảy ra, cấp ủy, chính quyền các địa phương đã tổ chức các đoàn kiểm tra, chỉ đạo các địa phương khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị ảnh hưởng của thiên tai; tổ chức thăm hỏi gia đình có người bị chết, bị thương; chỉ đạo các thôn, đoàn thể huy động lực lượng giúp đỡ các gia đình bị thiệt hại, dọn dẹp, tu sửa nhà cửa bị hư hỏng, đồng thời hướng dẫn nhân dân khắc phục, chăm sóc diện tích cây trồng bị hư hại; khẩn trương thống kê, đánh giá tình hình thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ để khẩn trương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Khái quát lại, năm 2023, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; song với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế - xã hội tỉnh

²⁷ So với cùng kỳ năm 2022, tăng 28 vụ, giảm 02 người chết, giảm 02 người bị thương, gấp 2,2 lần về giá trị thiệt hại.

Thanh Hóa tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực; kinh tế tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng GRDP đứng thứ 3 trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có quy mô GRDP lớn nhất cả nước; nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt và vượt kế hoạch, tăng so với cùng kỳ như: Sản lượng thủy sản; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP); thu ngân sách nhà nước... Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị chưa có nhiều chuyển biến; sản phẩm nông nghiệp có số lượng lớn, giá trị cao, có thương hiệu còn ít; sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do giá xăng dầu, nguyên, vật liệu đầu vào tăng cao; thị trường tiêu thụ bị thu hẹp; tiến độ triển khai thực hiện một số dự án lớn, trọng điểm chưa đảm bảo theo yêu cầu; thị trường bất động sản phát triển thiếu ổn định, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro; hoạt động du lịch tuy đã được khôi phục trở lại, nhưng lượng khách quốc tế còn ít./.

CỤC THỐNG KÊ THANH HÓA